TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2021/HS-ST.
Ngày: 22-9-2021.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Nghĩa;

Ông Lương Công Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phụng Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 77/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Minh H, sinh ngày 24/4/2000 tại Phú Yên; nơi cư trú: Khu phố P, phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Bốc vác; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh P, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1979; tiền án: không; tiền sự: Ngày 23/4/2019 bị Công an phường 9, thành phố T xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý. Nhân thân: Ngày 14/01/2016 bị Toà án nhân dân thành phố T ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, thời gian 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản. Đã chấp hành xong ngày 21/01/2018. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11/5/2020; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Ngô Tấn H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên; có mặt.

2. Huỳnh Khắc H, sinh ngày 09/8/2002 tại Phú Yên (Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 09 tháng); nơi cư trú: Thôn T, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Huỳnh Đ (chết) và bà Ngô Thị L, sinh năm 1965; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn N - Luật sư ký hợp đồng với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên; có mặt.

- **Bị hại**: Nguyễn Kiến V, sinh ngày 01/12/2013; cư trú tại: số M đường N, phường K, thành phố T, tỉnh Phú Yên;

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Công Thị Thu H, sinh năm 1979; cư trú tại: số M đường N, phường K, thành phố T, tỉnh Phú Yên;

Đều vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại*: Ông Ngô Văn T- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên; có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án**:

Bà Công Thị Thu H, sinh năm 1979; cư trú tại: số M đường N, phường K, TP. T, tỉnh Phú Yên.

Anh Đặng Phúc G, sinh năm 1999; cư trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1985; cư trú tại: số Q đường L, phường M, TP. T, tỉnh Phú Yên.

Chị Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1985; cư trú tại: Khu phố P, phường I, TP. T, tỉnh Phú Yên.

Chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 01/7/2006;

Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị N: Bà Lê Thị T, sinh năm 1950; cùng cư trú tại: Khu phố B, phường X, TP. T, tỉnh Phú Yên;

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 09/5/2020, Nguyễn Minh H điều khiển xe mô tô biển số 54U5 - 3367 chở Huỳnh Khắc H đến tiệm internet H để chở Đặng Phúc G về phòng trọ. Khi G vừa lên xe, H thấy em Nguyễn Kiến V điều khiển xe đạp từ trong tiệm internet ra ngoài đường, tay phải em V cầm 01 điện thoại di động hiệu Nokia C2 nên H nảy sinh ý định cướp giật điện thoại. H hai lần quay ra sau bảo H và G giật điện thoại của V. H không nói gì nhưng đồng ý việc H rủ giật điện thoại, còn G thì không trả lời. Không thấy ai trả lời nên H nói để H giật. H điều khiển xe mô tô chở H và G vượt lên phía bên phải của V, dùng tay trái giật chiếc điện thoại V đang cầm rồi tăng ga tẩu thoát. Thấy H giật tài sản của người khác thì G nói làm gì ghê vậy. Khi về phòng trọ, H nói đã định giật chiếc điện thoại nhưng H giật rồi nên thôi. Sáng ngày 10/5/2020, H điều khiển xe mô tô chở H và Nguyễn Thị N đi chơi game. Tại đây, H bảo H đi cầm cố chiếc điện thoại đã cướp

giật được nhưng H nói không biết nơi cầm cố nên cả hai tiếp tục chơi game. Sau đó, trên đường chở H và N về phòng trọ, H ghé vào tiệm điện thoại của anh Nguyễn Đức T cầm cố chiếc điện thoại đã cướp giật được lấy số tiền 300.000 đồng cùng H tiêu xài chung.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐ ngày 10/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố T kết luận: Điện thoại di động hiệu Nokia C2, màu xanh đen, tại thời điểm tháng 5/2020 trị giá 1.000.000 đồng.

Về vật chứng: Đã trả lại cho chủ sở hữu 01 điện thoại di động hiệu Nokia C2, màu xanh đen; đang tạm giữ 01 xe mô tô số khung VTMPCG0012T004762, số máy LC150FMG01277876, biển số 54U5-3367 của chị Nguyễn Thị Bích L. Về dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại và anh Nguyễn Đức T không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Tại bản cáo trạng số 77/CT-VKS ngày 03/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hoà đã truy tố các bị cáo Nguyễn Minh H, Huỳnh Khắc H về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại các điểm d, g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội "Cướp giật tài sản"; áp dụng các điểm d, g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; áp dụng thêm điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H; áp dụng thêm các điều 54, 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H, phạt bị cáo Nguyễn Minh H từ 05 năm đến 06 năm tù, phạt bị cáo Huỳnh Khắc Hiếu từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho chị Nguyễn Thị Bích L 01 xe mô tô số khung VTMPCG0012T004762, số máy LC150FMG01277876, biển số 54U5-3367. Buộc bị cáo H phải nộp lại số tiền 300.000 đồng do phạm tội mà có để nộp ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đức T không yêu cầu bồi thường nên không đề nghị xem xét. Đề nghị không xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh Đặng Phúc G, anh Nguyễn Đức T, chị Nguyễn Thị Bích L, em Nguyễn Thị N.

Người bào chữa cho bị cáo H trình bày: Thống nhất như tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo nhưng mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là nặng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo có điều kiện cải tạo, sớm trở về gia đình và làm người có ích cho xã hội.

Người bào chữa cho bị cáo H trình bày: Thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo. Do bị cáo khi phạm tội chưa thành niên nên chưa nhận thức đầy đủ về hành vi vi phạm pháp luật và bị người khác xúi giục. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự thú; người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị Hội

đồng xét xử áp dụng các điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điều 54, 65, 101 Bộ luật hình sự, xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường thiệt hại và đề nghị giảm hình phạt cho các bị cáo đồng thời đề nghị cho bị cáo Hiếu được hưởng án treo.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo H: Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo thấy rất ăn năn hối hận. Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về gia đình làm ăn lương thiện.

Bị cáo H: Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và xử với mức án thấp nhất cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Tuy Hòa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 11 giờ ngày 09/5/2020, bị cáo Nguyễn Minh H đã có hành vi điều khiển xe mô tô là dùng thủ đoạn nguy hiểm chở bị cáo Huỳnh Khắc H, xúi giục bị cáo H (là người dưới 18 tuổi) cướp giật tài sản. Khi thấy bị cáo H không trả lời thì bị cáo H điều khiển xe mô tô vượt lên phía bên phải của em Nguyễn Kiến V, bất ngờ cướp giật 01 điện thoại di động hiệu Nokia C2, màu xanh đen trị giá 1.000.000 đồng của bị hại là người dưới 16 tuổi. Bị cáo H tuy không trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật nhưng khi nghe H xúi giục thì bị cáo im lặng và đồng thuận, sau đó cùng bị cáo H đi cầm cố chiếc điện thoại cướp giật được để lấy tiền tiêu xài chung. Do đó, hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d, g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự như cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, mang tính chất đồng phạm, xâm phạm tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác đồng thời làm mất trật tự, an ninh ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Bị cáo Nguyễn Minh H là người xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội và cũng là trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo đang có 01 tiền sự và có nhân thân xấu, đã từng bị Toà án nhân dân thành phố T ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, thời gian 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không biết rút ra bài học cho bản thân mà nay lại phạm tội. Do đó, cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, có mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để có tính răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Bị cáo Huỳnh Khắc H mặc dù không phải là người trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật nhưng khi nghe bị cáo H rủ rê, xúi giục thì bị cáo đã đồng thuận với bị cáo H để thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng. Do đó, bị cáo là đồng phạm với vai trò giúp sức cho bị cáo H nên cần có mức hình phạt tương xứng, cách ly bị cáo ra khởi đời sống xã hội một thời gian. Tuy nhiên, xét khi phạm tội, bị cáo là người dưới 18 tuổi, bị người khác xúi giục và chỉ có vai trò giúp sức nên áp dụng Điều 101 Bộ luật hình sự, xử với mức hình phạt nhẹ hơn bị cáo H.

[5] Xét các bị cáo thành khẩn báo, ăn năn hối cải; người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên cần chấp nhận ý kiến bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo, áp dụng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, giảm cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo tốt. Đồng thời, áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hiếu, xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục.

Người bào chữa cho bị cáo H cho rằng bị cáo đã tích cực hợp tác với các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc giải quyết vụ án nên đề nghị áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự, xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhưng không có cơ sở chấp nhận.

Người bào chữa cho bị cáo H đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội tự thú" quy định tại điểm r khoản 1 Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự để cho bị cáo H được hưởng án treo nhưng xét thấy trường hợp của bị cáo không phải là tự thú và bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng nên không có căn cứ chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo.

[6] Đối với Đặng Phúc G, khi bị cáo H rủ cướp giật tài sản thì G không nói gì, không thực hiện và cũng không có hành vi giúp sức nên không phải là đồng phạm; anh Nguyễn Đức T khi nhận cầm cố điện thoại từ bị cáo H không biết tài sản do phạm tội mà có; chị Nguyễn Thị Bích L cho bị cáo H mượn xe mô tô nhưng không biết H dùng xe để đi cướp giật tài sản nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, không xem xét trách nhiệm hình sự. Nguyễn Thị N, khi xảy ra vụ án chưa đủ 14 tuổi nên không xem xét xử lý về hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đức T không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Vật chứng đang tạm giữ là 01 xe mô tô số khung VTMPCG0012T004762, số máy LC150FMG01277876, biển số 54U5-3367 của chị Nguyễn Thị Bích L. Chiếc xe này chị L không biết bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội nên cần trả lại cho chủ sở hữu. Đối với số tiền 300.000 đồng do bị cáo H cầm cố điện thoại cướp giật được, đây là tiền do phạm tội mà có; do đó, cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước. Bị cáo H đồng ý tự nguyện nộp lại khoản tiền này, không yêu cầu bị cáo H cùng nộp nên ghi nhận.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điểm d, g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo; căn cứ thêm điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo H; căn cứ thêm Điều 54, Điều 101 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo H;

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Minh H, Huỳnh Khắc H phạm tội "Cướp giật tài sản".

Phạt bị cáo Nguyễn Minh H 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 11/5/2020).

Phạt bị cáo Huỳnh Khắc H 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đức T không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Bích L 01 xe mô tô số khung VTMPCG0012T004762, số máy LC150FMG01277876, biển số 54U5-3367 theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/4/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuy Hoà và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh H nộp số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị N vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Khánh Thoa